

ĐIỂM THI

Lớp: Bồi dưỡng KT QLNN ngạch chuyên viên Khóa 69

Môn: Phần III - QLNN theo Ngành và lãnh thổ

Giảng viên chấm: Lương Văn Thạch; Chu Văn Thắng

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Bé Tuấn Anh	9	Chín	30	Chu Tuấn Nam	9.5	Chín phẩy năm
2	Nông Hoàng Anh	9.25	Chín phẩy hai năm	31	Nông Thị Nương	9.5	Chín phẩy năm
3	Nguyễn Thị Bích	9	Chín	32	Nguyễn Xuân Ngân	9.5	Chín phẩy năm
4	Vi Thị Biền	9	Chín	33	Nguyễn Quỳnh Ngân	9.5	Chín phẩy năm
5	Triệu Thanh Bình	9	Chín	34	Hứa Thị Ngọc	9.5	Chín phẩy năm
6	Hoàng Kim Chi	9	Chín	35	Nông Anh Ngọc	9.5	Chín phẩy năm
7	Dương Minh Chiến	8.25	Tám phẩy hai năm	36	Vy Thị Nha	9.5	Chín phẩy năm
8	Chu Thị Diệp	8.75	Tám phẩy bảy năm	37	Nông Thị Hương Nhu	9.25	Chín phẩy hai năm
9	Hà Thị Dung	9	Chín	38	Nông Thị Quyên	9.5	Chín phẩy năm
10	Đinh Thị Duyên	9	Chín	39	Bé Văn Quyết	8.75	Tám phẩy bảy năm
11	Trần Nguyên Đán	9.25	Chín phẩy hai năm	40	Mã Vĩnh Quyết	9.5	Chín phẩy năm
12	Trần Văn Đạt	9	Chín	41	Thảm Thị Tiên	9.5	Chín phẩy năm
13	Tô Thúy Diệp	9	Chín	42	Nông Văn Tôn	8.75	Tám phẩy bảy năm
14	Nông Quốc Gia	8.5	Tám phẩy năm	43	Nguyễn Văn Tuấn	8.75	Tám phẩy bảy năm
15	Nông Đức Giang	9.25	Chín phẩy hai năm	44	Hoàng Ngọc Thái	9.25	Chín phẩy hai năm
16	Luân Thị Iliệp	8.75	Tám phẩy bảy năm	45	Long Thị Thanh	9.5	Chín phẩy năm
17	Hoàng Văn Hiệp	8.5	Tám phẩy năm	46	Lương Thị Thảo	9	Chín
18	Phạm Thị Hiệu	8.75	Tám phẩy bảy năm	47	Phan Thị Thảo	9.25	Chín phẩy hai năm
19	Đàm Đức Hoàng	9	Chín	48	Nông Thị Minh Thu	9.25	Chín phẩy hai năm
20	Đàm Huy Hoàng	8	Tám	49	Lại Thị Minh Thu	9.5	Chín phẩy năm
21	Bé Thị Huế	9	Chín	50	Đoàn Thị Thuần	9.5	Chín phẩy năm
22	Triệu Thị Thu Huế	9	Chín	51	Hà Thị Thuận	9.25	Chín phẩy hai năm
23	Trương Quốc Hương	9	Chín	52	Hoàng Thị Thúy	9.25	Chín phẩy hai năm
24	Đinh Quốc Khởi	8.5	Tám phẩy năm	53	Nguyễn Trung Thực	9	Chín
25	Chu Thúy Lệ	9.5	Chín phẩy năm	54	Nguyễn Thu Trang	9.25	Chín phẩy hai năm
26	Nông Văn Linh	9.25	Chín phẩy hai năm	55	Đàm Văn Trinh	9.5	Chín phẩy năm
27	Dương Thị Loan	9.25	Chín phẩy hai năm	56	Triệu Quang Vĩnh	9	Chín
28	Đặng Hồng Lưu	9	Chín	57	Hoa Văn Xuân	9	Chín
29	Hoàng Đức Nam	9	Chín				

Điểm 8,00: 01 điểm; Điểm 8,25: 01 điểm; Điểm 8,50: 03 điểm; Điểm 8,75: 06 điểm; Điểm 9,00: 19 điểm; Điểm 9,25: 12 điểm; Điểm 9,50: 15 điểm./.

GHI ĐIỂM

Hoàng Thị Quế

PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Hoàng Việt Hưng



Bé Dũng